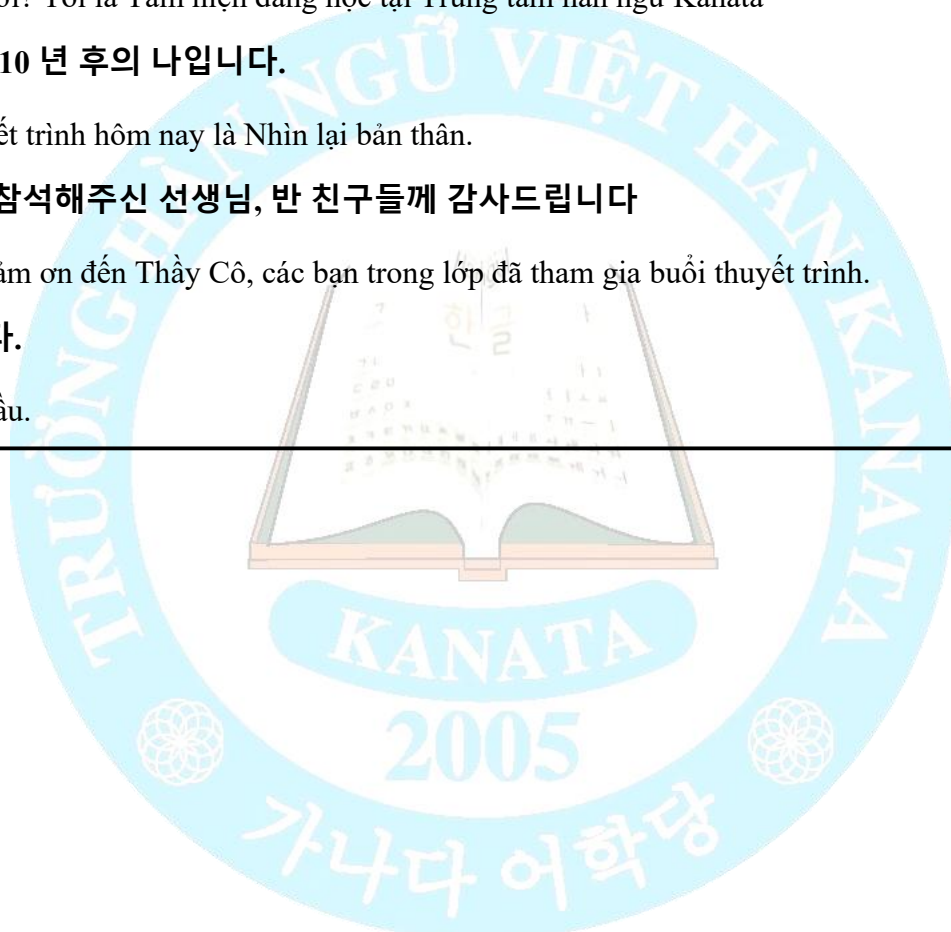


자기소개	안녕하십니까? 현재 가나다 어학당에서 공부하고 있는 Tâm 입니다. Xin chào tất cả mọi người? Tôi là Tâm hiện đang học tại Trung tâm hàn ngữ Kanata
발표내용소개	오늘 발표하는 내용은 10년 후의 나입니다. Nội dung mà tôi sẽ thuyết trình hôm nay là Nhìn lại bản thân. 먼저 프레젠테이션에 참석해주신 선생님, 반 친구들께 감사드립니다
	Trước tiên, xin gửi lời cảm ơn đến Thầy Cô, các bạn trong lớp đã tham gia buổi thuyết trình. 시작하도록 하겠습니다. Tôi xin phép được bắt đầu.



저는 맘이라고 합니다. Tôi tên là Tâm.

저는 10년 후의 모습을 생각해 보면 가장 큰 관심거리는 우리 가족하고 재정적인 문제입니다.

(Nếu tưởng tượng về dáng vẻ của tôi 10 năm sau, mối quan tâm lớn nhất của tôi chắc hẳn là gia đình và vấn đề tài chính.)

미래에 자신의 희망이 손꼽을 수 없을 정도로 많습니다.

(Những hy vọng của tôi trong tương lai nhiều không thể đếm xuể)

우선 하나의 사업 계획을 염두에 늘 두고 있어서 그 때까지 사업이 안정적으로 되면 좋겠습니다.

(Trước tiên, tôi vẫn luôn ấp ủ một kế hoạch kinh doanh trong đầu nên khi đó mong rằng tôi đã có một công việc kinh doanh ổn định)

어떤 회사에 취직하에 비해 직접 따로 회사를 지는 게 더 좋을 거라고 생각합니다.

→ 어떤 회사에 취직하는 것 보다 직접 회사를 경영하는 게 더 좋을 거라고 생각합니다.

(Tôi nghĩ rằng sẽ tốt hơn nếu tôi thành lập một công ty riêng hơn là xin việc vào một công ty nào đó.)

또한 제 그림을 전시할 예정입니다.

(Thêm nữa tôi cũng có kế hoạch về việc trưng bày các tác phẩm nghệ thuật.)

잘하지 못하지만 그림을 그릴 줄 아는 편이어서 바쁘지 않으면 그리는 시간을 보내겠습니다.

(Tuy không quá giỏi nhưng tôi cũng thuộc dạng biết vẽ nên khi không quá bận thì tôi sẽ dành thời gian để vẽ)

될 수 있으면 개인 화랑도 열고 싶습니다.

(Nếu có thể tôi vẫn muốn mở một phòng tranh riêng)

그림을 판매용은 아니라 전시용과 감상용에 불과합니다.

(Nó sẽ không dùng để buôn bán mà chỉ dùng trong việc trưng bày và thưởng thức tác phẩm)

발표내용  
(100-600자)

넓은 면적이 필요없는데 그림 몇 개가 걸릴 수 있게 충분해도 괜찮습니다.

→ 넓은 면적은 필요없고 그림 몇 개가 걸릴 수 있는 정도면 충분합니다.

(Không gian không cần quá rộng, đủ để tôi có thể treo vài bức tranh là được)

그리고 거기서는 전시회가 열리고 싶은 사람들에게 세를 주기 위해 그 공간을 이용할 수가 있습니다.

(Và lại, tôi cũng có thể tận dụng không gian đó để cho những người có nhu cầu mở triển lãm thuê).

30살인 저는 부모님께 새 집을 꼭 사 드려야 할 겁니다. → 새 집

(Tôi của năm 30 tuổi nhất định phải mua cho bố mẹ một căn nhà mới)

어머니는 더 넓은 집에서 살 수 있는 게 여태까지 꿈이라고 하셨습니다.

(Có thể được sống trong một căn nhà rộng hơn là ước mơ từ trước đến giờ của mẹ.)

아버지도 매년에 설날을 빼고 아무것이나 자신에게 사시지 않습니다

(Còn bố tôi, người không bao giờ mua cho bản thân bất kỳ thứ gì trừ dịp Tết vào hằng năm)

그 사소한 것들이어서 그런지 제 마음에 많이 걸려 있습니다.

(Không biết có phải vì những điều nhỏ nhặt ấy không mà nó khiến tôi bận lòng rất nhiều)

부모님의 희망이 거의 저에 달려 있기 때문에 감당할 수 있어야 된다고 늘 스스로에게 말했습니다.

(Niềm hy vọng của bố mẹ phụ thuộc hết vào tôi nên tôi luôn tự nhủ là bản thân phải càng đáng được)

게다가 2032년에는 좋은 재정이 있을 뿐만 아니라 더 건강해지면 좋겠습니다.

(Bên cạnh đó trong năm 2032, tôi mong rằng không chỉ có tài chính tốt mà sức khỏe cũng trở nên tốt hơn)

무리 일하기 때문에 건강을 잃으면 안 되는 것 같아서 더 건전한 생활로 향하려고 애쓰고 있습니다. → 무리해서 일하면 건강을

**잃기 때문에 더 건전한 생활을 하려고 애쓸 것입니다.**

(Tôi nghĩ rằng dường như mình không nên đánh mất sức khỏe chỉ vì làm việc quá sức nên tôi đang cố gắng hướng đến một lối sống lành mạnh hơn)

**예를 들어 저는 요즘**영양이 부족한 음식들을 먹는 대신**건강에 이가 되는 것으로 바꾸게 되기도 하고**수면 습관도 천천히 개선하기도 하는 중입니다.

(Chẳng hạn như thay vì ăn những thực phẩm kém dinh dưỡng, thì tôi chuyển sang những thực phẩm tốt cho sức khỏe hơn, và tôi cũng đang dần dần cải thiện thói quen ngủ của mình)

**건강한 신체도** 정신에 많은 영향을 준다고 들었습니다.

(Tôi cũng nghe nói rằng một cơ thể khỏe mạnh cũng ảnh hưởng rất nhiều đến tinh thần)

**그렇기 때문에** 미래에서 향하는 목표는 **건강한 생활방식과 긍정적인 정신**입니다.

(Theo tôi, mục tiêu mà tôi hướng đến trong tương lai là một lối sống lành mạnh và một tinh thần tích cực)

**그러나** 저는 일을 생길 때마다 건강을 돌보는 걸 잊어버리곤 하는 편입니다.

(Tuy nhiên bản thân tôi thuộc dạng mỗi khi có việc gì xảy ra thì thường hay bỏ quên việc chăm sóc sức khỏe)

**10년 후에는 이 나쁜 습관을 고쳐 버릴 수 있으면 싶습니다.**

(10 năm sau, tôi hy vọng đã có thể bỏ được thói quen xấu này).

**결론**

이것으로 제 발표를 마치겠습니다. Đây là phần kết thúc bài thuyết trình của tôi.

여러분들 경청해주셔서 감사합니다. Cảm ơn mọi người đã chú ý lắng nghe.